

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 853/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Trần Thị Đúng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 574/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A5/160B ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Kim H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A5/160B ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 04/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Kim H bắt đầu chung sống từ năm 2008, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01 vào ngày 10/6/2008. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Nhưng đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, khi đó bà đang mang thai bé thứ hai nhưng

Ông H không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, có những lời lẽ xúc phạm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu. Từ năm 2021 cho đến nay, Ông H bỏ bê hoàn toàn gia đình, để cho một mình bà nuôi dưỡng các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kim H.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà N và Ông H có 02 con chung là cháu Kim N, sinh ngày 25/9/2008 và cháu Kim X, sinh ngày 24/11/2014. Hiện tại các con đang sinh sống cùng với Bà N. Khi ly hôn Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Kim H tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Kim H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Kim H. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Kim H có nơi cư trú tại địa chỉ A5/160B ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Kim H đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để

tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/6/2008 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị N và ông Kim H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã tiến hành tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng có liên quan đến vụ án. Tại công văn số 2690/UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà N và Ông H như sau: Trong quá trình chung sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa Bà N, Ông H có xảy ra mâu thuẫn, Bà N, Ông H đã không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Theo trình bày của Bà N thì bà xác định bà đã không còn tình cảm vợ chồng với Ông H, còn Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của Bà N. Điều này cho thấy Ông H đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà N. Đồng thời, Bà N, Ông H đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau trong một thời gian tương đối dài. Như vậy, Bà N và Ông H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa Bà N và Ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Bà N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà N và Ông H có 02 (hai) con chung tên Kim N, sinh ngày 25/9/2008 và Kim X, sinh ngày 24/11/2014. Hiện tại cả hai cháu đang

sinh sống cùng với Bà N. Khi ly hôn, Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, còn Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu về con chung.

Xét thấy, cháu Kim N và cháu Kim X hiện đang sống chung với Bà N. Tại các biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì cháu Ngân, cháu Ngọc đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Bà N. Mặt khác, Bà N cũng đảm bảo các điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, tinh thần cho con sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của Bà N, giao cháu Kim N và cháu Kim X cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà N không yêu cầu Ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Kim H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]. Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung giữa ông và Bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của Bà N, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5]. Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung giữa ông và Bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của Bà N, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Kim H về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng, huyện Tiên Cần, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/6/2008 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Kim N, sinh ngày 25/9/2008 và cháu Kim X, sinh ngày 24/11/2014 cho Bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Kim H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kim H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà N đã nộp theo biên lai thu số 0033978 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh (1);
- UBND xã Tân Hưng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Dương

2AAKKBN*φφβχαβ+

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờphút, ngày 20 tháng 9 năm 2024
Tại: Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Trần Thị Đúng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A5/160B ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Kim H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A5/160B ấp X, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tỷ lệ biểu quyết 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Kim H về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng, huyện Tiền Cần, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/6/2008 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Kim N, sinh ngày 25/9/2008 và cháu Kim X, sinh ngày 24/11/2014 cho Bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Kim H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kim H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà N đã nộp theo biên lai thu số 0033978 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên đã đọc lại biên bản, ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)